

BÁO CÁO VỀ THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG
REPORT ON CHANGE OF NET ASSET VALUE
(Tuần từ 23/10/2020 đến 29/10/2020)
(Reporting period: from 23-Oct-2020 to 29-Oct-2020)

1. Tên Công ty quản lý quỹ: <i>Fund Management Company:</i>	Công ty cổ phần Quản lý Quỹ VinaCapital <i>VinaCapital Fund Management Joint Stock Company</i>
2. Tên Ngân hàng giám sát: <i>Supervising bank:</i>	Ngân Hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa <i>Bank for Investment and Development of Vietnam JSC - Nam Ky Khoi Nghia Branch</i>
3. Tên Quỹ: <i>Fund name:</i>	Quỹ ETF VinaCapital VN100 <i>VinaCapital VN100 ETF</i>
4. Mã chứng khoán: <i>Securities code:</i>	FUEVN100
5. Ngày lập báo cáo: <i>Reporting Date:</i>	30/10/2020 <i>30-Oct-2020</i>

Đơn vị tính: VND
Unit: VND

STT NO	CHỈ TIÊU CRITERIA	MÃ CHỈ TIÊU CODE	KỶ BÁO CÁO NÀY THIS PERIOD 29/10/2020	KỶ BÁO CÁO TRƯỚC LAST PERIOD 22/10/2020
A	Giá trị tài sản ròng (NAV) Net Asset Value	2100		
A.1	Giá trị tài sản ròng đầu kỳ Net Asset Value at the beginning of period	2101		
	<i>của quỹ/per Fund</i>	2102	72,092,179,349	70,888,545,005
	<i>của một lô chứng chỉ quỹ/per lot of Fund certificate</i>	2102.1	1,181,839,006	1,162,107,295
	<i>của một chứng chỉ quỹ/per Fund certificate</i>	2103	11,818.39	11,621.07
A.2	Giá trị tài sản ròng cuối kỳ Net Asset Value at the end of period	2104		
	<i>của quỹ/per Fund</i>	2105	67,460,445,524	72,092,179,349
	<i>của một lô chứng chỉ quỹ/per lot of Fund certificate</i>	2105.1	1,143,397,382	1,181,839,006
	<i>của một chứng chỉ quỹ/per Fund certificate</i>	2106	11,433.97	11,818.39
A.3	Thay đổi giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ trong kỳ, trong đó: Change of NAV per Fund certificate during period, in which:	2107		
	<i>Thay đổi do biến động thị trường và các hoạt động giao dịch của quỹ trong kỳ</i> Change of NAV due to market fluctuation and the fund's investment during period	2108	21.54	197.32
	<i>Thay đổi giá trị tài sản ròng liên quan tới nhà đầu tư trong kỳ</i> Change of NAV related to investors during period	2109	(405.96)	-
	<i>Thay đổi do việc phân phối thu nhập của quỹ cho các nhà đầu tư trong kỳ</i> Change of NAV due to profit distribution to investors during period	2109.1	-	-
	<i>Thay đổi do mua lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ</i> Change of NAV due to subscription, redemption during period	2109.2	(405.96)	-
A.4	Giá trị tài sản ròng cao nhất/thấp nhất trong vòng 52 tuần gần nhất Highest/Lowest NAV within latest 52 weeks	2110		
	<i>Giá trị cao nhất (VND)/Highest value (VND)</i>	2111	73,053,395,247	72,092,179,349
	<i>Giá trị thấp nhất (VND)/Lowest value (VND)</i>	2112	50,381,324,666	50,381,324,666
B	Giá trị thị trường (giá đóng cửa cuối phiên giao dịch trong ngày báo cáo) của một chứng chỉ quỹ Market value of a Fund certificate (closing price of the latest trading session of the reporting date)	2114		
B.1	Giá trị đầu kỳ Beginning period value	2115	12,150	11,800
B.2	Giá trị cuối kỳ Ending period value	2116	11,870	12,150
B.3	Thay đổi giá trị thị trường trong kỳ so với kỳ trước Change of market value during period in comparison with the last period	2117	(280)	350
B.4	Chênh lệch giữa giá thị trường của một chứng chỉ quỹ và giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ Difference between market value per Fund certificate and NAV per Fund certificate	2118		
	<i>Chênh lệch tuyệt đối (VND)/Absolute difference (VND)</i>	2119	436.03	331.61
	<i>Chênh lệch tương đối (mức độ chiết khấu (-)/thặng dư (+))/Relative difference (discount (-)/premium (+))</i>	2120	3.81%	2.81%
B.5	Giá trị thị trường cao nhất/thấp nhất trong vòng 52 tuần gần nhất Highest/Lowest market value within latest 52 weeks	2121		
	<i>Giá trị cao nhất (VND)/Highest value (VND)</i>	2122	13,410	13,410
	<i>Giá trị thấp nhất (VND)/Lowest value (VND)</i>	2123	9,600	9,600

Đại diện có thẩm quyền của Ngân hàng giám sát
Authorised Representative of Supervisory Bank

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN
CN Nam Kỳ Khởi Nghĩa
Hoàng Văn Sơn
Phó Giám đốc Chi nhánh

Đại diện có thẩm quyền của Công ty Quản lý Quỹ
Authorised Representative of Fund Management Company

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ
VINACAPITAL

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ VinaCapital
Lê Thị Hồng Thái
6400 Đốc Chiến Lược